

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/07/2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24/5/2024 về việc “tranh chấp xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Phi A, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị A có đơn xin vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Phi A trình bày: Chị A và anh Trần Văn B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/06/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; anh chị có 01 người con là cháu Trần Thống N, sinh ngày 20/11/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị A chịu rất nhiều áp lực, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh B không có ý kiến riêng, mặc dù đã sống riêng nhưng anh B vẫn còn lệ thuộc vào suy

ngữ của mẹ ruột. Chị và anh B đã làm đơn ra Tòa đề nghị được ly hôn đã 3 lần, nhưng mỗi lần làm đơn ra tòa thì anh B yêu cầu được làm hòa nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Chị A nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh B đã không còn hàn gắn được nữa, cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Giữa chị A và anh B cũng đã sống ly thân được 05 tháng, nên chị A yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh B. Về con chung khi ly hôn chị đồng ý giao con chung là Trần Thống N sinh ngày 20/11/2012 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con do hiện tại chị không có việc làm. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu

Bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Về mối quan hệ hôn nhân và con chung anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị A. Tuy nhiên, anh B xác định trong cuộc sống của anh chị có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là giữa mẹ anh và chị A không hòa hợp. Nhưng chị A tính cách còn trẻ con, mỗi lần giận thì lại nộp đơn xin ly hôn cũng đã nộp đơn 3 lần, giữa anh và chị A đã sống ly thân khoảng 1 tháng nay. Nay anh B xác định không đồng ý ly hôn với chị Khoa. Trường hợp tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thống N vì hiện tại cháu đang sống cùng anh, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn với anh B. Về con chung giao cháu Trần Thống N, sinh ngày 20/11/2012 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/06/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn anh B và nuôi con sau khi ly hôn nên đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, anh B hiện đang cư trú tại Ấp A, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị A và anh B sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B không có ý kiến riêng, mặc dù đã sống riêng nhưng anh B vẫn còn lệ thuộc vào suy nghĩ của mẹ ruột. Chị và anh B đã làm đơn ra Tòa đề nghị được ly hôn đã 3 lần, nhưng mỗi lần làm đơn ra tòa thì anh B yêu cầu được làm hòa nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Chị A nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh B đã không còn hàn gắn được nữa, cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Giữa chị A và anh B cũng đã sống ly thân được 05 tháng, nên chị A yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh B .

Còn anh B thì xác định trong cuộc sống của giữa anh và chị A có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là giữa mẹ anh và chị A không hòa hợp. Nhưng chị A tính cách còn trẻ con, mỗi lần giận thì lại nộp đơn xin ly hôn cũng đã nộp đơn 3 lần, giữa anh và chị A đã sống ly thân khoảng 1 tháng nay. Nay anh B xác định không đồng ý ly hôn với chị A. Trường hợp tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thống N vì hiện tại cháu đang sống cùng anh, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị A và anh B đoàn tụ nhưng chị A cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên

không thể ghi nhận ý kiến của anh B . Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị A cương quyết xin ly hôn, giữa chị A và anh B cũng sống ly thân thời gian nhưng cả hai không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị A và anh B có 01 người con là Trần Thống N sinh ngày 20/11/2012, khi ly hôn chị A đồng ý giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, giáo dục vì hiện tại cháu N đang sống với anh B ; chị không cấp dưỡng nuôi con do chị chưa có việc làm. Anh B cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu N vì hiện tại cháu đang sống cùng anh và được anh cho đi học đầy đủ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản xác minh ông Lê Chí P Trưởng ấp A, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xác định “ anh B và chị A có 01 người con chung, hiện tại các cháu đang sống với anh B , cháu được anh B chăm sóc chu đáo, cháu cũng được đi học đầy đủ”, do đó để tránh làm sáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu N, ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B , tiếp tục giao cháu N cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A, anh B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Phi A được ly hôn với anh Trần Văn B .

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thống N sinh ngày 20/11/2012 cho anh Trần Văn B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Nhất hiện tại đang sống chung với anh B nên được giữ nguyên.

- Chị Huỳnh Phi A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

- Chị Huỳnh Phi A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Phi A, anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Huỳnh Phi A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0008826, ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy